

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CT
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 42/2020/HS-ST

Ngày: 25/5/2020

N DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Dương Thị Thu Vân;

Ông Lê Văn Minh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thu Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Đàm Viễn Khương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2020/TLST-HS ngày 20/3/2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 4 năm 2020, quyết định hoãn phiên tòa số 17/2020/HSST-QĐ ngày 18/5/2020, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Ngô TN (Tên gọi khác: M); Sinh ngày MM/T/2001

- Nơi sinh: Tiền Giang;

- Giới tính: Nam;

- Cư trú: Ấp TTA, xã BD, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ văn hoá: 8/12.
- Cha: Ngô Tấn N (sinh năm 1979); Mẹ: Nguyễn Thị BT (sinh năm 1981);
- Bị cáo chưa có vợ, con.

- Ngày 17/8/2018, bị Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử về 02 tội danh, tuyên phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (Bản án số 70/2018/HSST ngày 17/8/2018). Tại thời điểm bị kết án thì N dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì N đã được xóa án tích.

- Tiền án, tiền sự: Không
- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019, tạm giam từ ngày 11/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Họ và tên: Lê MP- Sinh ngày: KS/S/2001; Nơi sinh: Tiền Giang;

- Giới tính: Nam;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Cư trú: Ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;
- Nghề nghiệp: Làm thuê;
- Trình độ văn hoá: 8/12;
- Cha: Lê Văn T (sinh 1972); Mẹ: Nguyễn Thị TH (sinh 1975);
- Bị cáo chưa có vợ, con;

- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019, tạm giam từ ngày 11/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

3. Họ và tên: Nguyễn Lê TP (Tên gọi khác: N); Sinh ngày: HS/KM/2000;
Nơi sinh: Tiền Giang;

- Giới tính: Nam;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Cư trú: Ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;
- Nghề nghiệp: Công N;
- Trình độ văn hoá: 11/12;
- Cha: Nguyễn Thanh V (sinh 1974); Mẹ: Lê NH (sinh 1979);
- Bị cáo chưa có vợ, con;
- Tiền án, tiền sự: Không;
- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019, tạm giam từ ngày 11/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

4. Họ và tên: Nguyễn Thị TL (Tên gọi khác: N, M); Sinh ngày: KC/S/2003;
Nơi sinh: Tiền Giang;

- Giới tính: Nữ;
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Cư trú: Tổ C, ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;
- Nghề nghiệp: Không;
- Trình độ văn hoá: 8/12;

- Cha: Nguyễn Thanh T (đã bỏ đi khỏi địa phương, không rõ N thân); Mẹ: Nguyễn Thị TĐ, sinh năm 1985;

- Tiền án, tiền sự: Không;

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019, tạm giam từ ngày 11/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo L: Ông Phạm Văn Khiêm – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

5. Họ và tên: **Nguyễn Văn H** ; Sinh ngày: KB/MH/2000; Nơi sinh: Tiền Giang;

- Giới tính: Nam;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Cư trú: Ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang;

- Nghề nghiệp: Công N;

- Trình độ văn hoá: 11/12;

- Cha: Nguyễn Văn H (sinh 1978); Mẹ: Nguyễn Thị T (sinh 1977);

- Bị cáo chưa có vợ con;

- Tiền án, tiền sự: không;

- Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/12/2019, tạm giam từ ngày 11/12/2019;

Bị cáo có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Trần Xuân Hoà – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Tiền Giang (có mặt).

* **Bị hại:** anh Trần Tấn Đ, sinh 1988 (vắng mặt).

Trú tại: Ấp b, xã PN, huyện GT, tỉnh Bến Tre.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1967 (có mặt)

Trú tại: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: ấp VH, xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

3. Bà **Lê Thị Trúc Đ**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Trú tại: ấp Đ, xã KS, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4. Ông **Nguyễn Thanh V**, sinh năm 1974 (có mặt).

Trú tại: ấp H, xã NB, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

5. Bà **Nguyễn Thị BT**, sinh năm 1981 (có mặt).

Trú tại: ấp TTA, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

6. Ông **Lê Văn T**, sinh năm 1972 (có mặt).

Trú tại: ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

7. Bà **Nguyễn Thị Q**, sinh năm 1965 (vắng mặt)

Trú tại: ấp TTA, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

** Người làm chứng:*

1. Chị **Mạnh Thị T**, sinh năm 1985 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm A, xã NK, huyện Nghi Lộc, tỉnh Nghệ An.

Nơi ở: ấp TTA, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

2. Ông **Nguyễn Bá L**, sinh năm 1983 (vắng mặt)

Trú tại: ấp MT, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi tối ngày 30/11/2019, Ngô Trọng N, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Văn H, Lê MP và Nguyễn Lê TP chơi bi-da tại quán “Ngọc Hưng” tại ấp TH, xã ST, huyện CT, tỉnh Tiền Giang. Tại đây, L nói cho cả nhóm biết việc anh Trần Tấn Đ với tên tài khoản là “TĐ” nhắn tin qua trên mạng xã hội “Facebook” với L, nội dung tin nhắn là anh Đ rủ L đi uống nước và đi khách sạn.

Đến khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/12/2019, tại phòng trọ của L ở xã BD; N nói cho Phương, Phú, H nghe về việc anh Đ có hẹn rủ L đi khách sạn nên kêu L hẹn gặp anh Đ rồi cả nhóm đánh anh Đ, chiếm đoạt tài sản, thì cả nhóm thống nhất thực hiện. Sau đó, L lấy điện thoại của P nhắn tin chỉ đường cho anh Đ đến điểm hẹn. Sau khi anh Đ đồng ý gặp mặt, N điều khiển xe mô tô 63B4-248.92 chở L, H điều khiển xe mô tô 63B3-735.68 chở P và P cùng nhau đến khu vực gần cầu BD. Cả nhóm để lại L một mình đứng đợi anh Đ, còn N, H, P, P thì dừng xe cách khoảng 20 mét để quan sát.

Theo như đã hẹn, anh Đ điều khiển xe mô tô biển số 71B2-861.18 đến rước L. L lên xe ngồi phía sau cho anh Đ chở và chỉ đường cho anh Đ đến khách sạn “Hoàng L” tọa lạc tại ấp TTB-xã BD-huyện CT-tỉnh Tiền Giang. Sau khi thấy anh Đ đã chở L thì N, H, P, P chạy theo phía sau. Khi anh Đ, L vừa vào trong khuôn viên khách sạn “Hoàng L” thì N, H, P, P xông đến dùng mũ bảo hiểm đánh nhiều cái vào người anh Đ. N rút trong người ra 01 con dao (Lưỡi nhọn màu trắng, cán vàng) quơ về phía anh Đ. Khi anh Đ đã ngồi xuống lấy tay ôm đầu chống đỡ thì Plầy cây lau nhà bằng kim loại màu trắng, cán nhựa màu xanh của khách sạn đánh nhiều cái vào người anh Đ rồi dùng chân đá vào bụng anh Đ 01 cái.

Sau đó, N, P kéo anh Đ ra xe để chở đi nơi khác nhưng anh Đ không đi, thì P dùng chân đá vào người anh Đ, kéo anh Đ lên xe của N. N đưa lại con dao cho P cầm rồi cả hai khống chế anh Đ lên xe. N điều khiển, anh Đ ngồi giữa, P tay cầm dao ngồi áp sát phía sau. L điều khiển xe của anh Đ rồi chạy theo phía sau cùng H, Phú về hướng xã ST. Khi vừa qua cầu Kênh Xáng thì N cho xe rẽ phải chạy theo đường nhánh, khi đến đoạn vắng người thì dừng lại rồi bắt anh Đ quỳ gối xuống

đường, P tay cầm con dao và H đứng xung quanh; do L chạy theo phía sau bị lạc đường nên P điều khiển xe đi rước L đến.

Lúc này, N kêu anh Đ tự lấy tài sản đưa ra thì anh Đ lấy trong túi ra 01 cái ví và 01 điện thoại di động màu xám – đen loại Iphone 7. N lấy ví của anh Đ đưa cho H kiểm tra thì thấy bên trong có số tiền 3.020.000 đồng. H lấy số tiền này đưa cho P giữ, ném cái ví xuống sông; điện thoại di động thì đưa N giữ. L, Phú khi đến nơi thì đã lấy xong tài sản của anh Đ, nên cả nhóm cùng rời khỏi, trên đường đi P ném bỏ con dao ở ven đường. Cả nhóm tập trung tại nhà của P, tại đây P lấy số tiền đưa lại cho N, N lấy chia cho mỗi người giữ 500.000 đồng, H được 520.000 đồng, số tiền còn lại thì N dùng để trả tiền nợ đã mượn trước đó. Đến ngày 02/12/2019, H đến đầu thú tại Công an xã ST và khai nhận hành vi cùng các bị cáo khác.

Đối với con dao dùng để uy hiếp anh Đ, bị cáo P ném bỏ ở ven đường, cơ quan điều tra đã truy tìm nhưng không tìm thấy.

Các vật chứng, tài sản được thu giữ và xử lý như sau:

** Thu giữ khi khám nghiệm hiện trường:*

- Đoạn video trích xuất từ camera của khách sạn Hoàng L có thời lượng 02 phút, từ 17 giờ 36 phút 37 giây đến 17 giờ 38 phút 37 giây ngày 01/12/2019 (Thời gian trong camera bị lệch so với thực tế là 17 giờ 06 phút 37 giây đến 17 giờ 08 phút 37 giây ngày 01/12/2019); đi kèm theo hồ sơ vụ án.

- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ bị hư hỏng.

- 01 con dao bấm kim loại màu trắng dài 23cm, mũi nhọn, lưỡi dao dài 10,5cm.

- 01 cây lau nhà bằng kim loại màu trắng, cán nhựa màu xanh, dài 1,2m. Đây là tài sản thuộc sở hữu của chị Nguyễn Thị Q, bị cáo P tự lấy cây lau nhà này để đánh anh Đ, chị Q không biết, nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Q.

* *Thu giữ của Nguyễn Thị Thanh L:* Số tiền Việt Nam: 380.000 (ba trăm tám mươi nghìn) đồng, Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

* *Thu giữ của Ngô Trọng N:*

- Số tiền Việt Nam: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng, Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

- 01 (một) đôi bông tai bằng kim loại màu vàng có đính hột màu trắng (đã được niêm phong có chữ ký của Ngô Trọng N) và 01 giấy cầm đồ đề ngày 19/11/2019 của tiệm “Hồng Gấm”, đây là tài sản cá N của N, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho N.

- 01 giấy chứng nhận đăng ký xe 63V6 – 0358, đây là giấy tờ thuộc sở hữu của anh Ngô Tấn N, là cha của Ngô Trọng N; anh Nguyễn đưa cho N mượn giấy đăng ký xe, nhưng không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trao trả giấy trên cho anh N.

- 01 biển số xe mô tô: 63B4-248.92, đây là biển số của xe Luvias N đã tháo ra để tại nhà P do sợ bị phát hiện khi sử dụng xe trên làm phương tiện phạm tội; 01 (một) xe mô tô loại Luvias, màu trắng, không biển số, số khung: RLCL44S10DY076401, số máy: 44S1-076412; hiện đang còn tạm giữ.

- 02 mũ bảo hiểm màu đen, 01 áo sơ mi dài tay màu đen – trắng, 01 đôi dép màu xám, có chữ màu đỏ; hiện đang còn tạm giữ.

* *Thu giữ của Lê Minh P:*

- Số tiền Việt Nam: 171.000 (một trăm bảy mươi một nghìn) đồng.

- 01 điện thoại di động hiệu OPPO, màu đen, số IMEI 1: 866468037300078, số IMEI 2: 866468037300060. Đây là tài sản cá N của Lê Minh P, không liên quan đến hành vi phạm tội, nên Cơ quan điều tra đã trao trả cho P.

- 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt lưỡi trai màu đen; 01 nón kết màu đen; hiện còn tạm giữ.

** Thu giữ của Nguyễn Văn H:*

- Số tiền Việt Nam: 288.000 (hai trăm tám mươi tám nghìn) đồng, Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

- 01 (một) xe mô tô hai bánh biển số 63B3 – 735.68 và giấy chứng nhận đăng ký xe, Cơ quan điều tra đã trao trả cho chị Nguyễn Thị T là mẹ của H và là chủ sở hữu hợp pháp của xe trên.

- 01 mũ bảo hiểm màu đỏ có hình Doraemon; hiện còn tạm giữ.

** Thu giữ của Nguyễn Lê TP:*

- Số tiền Việt Nam: 450.000 (bốn trăm năm mươi nghìn) đồng, Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

- 01 điện thoại động có ghi chữ Iphone màu xám đen, bị nứt bề màn hình.

- 01 điện thoại di động kiểu Iphone 6 màu trắng, số IMEI: 356986066401654.

- 01 áo sơ mi tay dài màu đen, 01 quần lửng màu xanh xám, 01 nón kết màu xám.

** Thu giữ của các đương sự:*

- Số tiền Việt Nam: 10.000.000 (mười triệu đồng), đây là số tiền do gia đình của các bị cáo giao nộp để liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản của anh Đ, Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

- Số tiền Việt Nam: 100.000 (một trăm nghìn) đồng, tạm giữ của bà Nguyễn Thị T, là bà ngoại của Nguyễn Thị Thanh L. Đây là số tiền mà L có được từ việc phạm tội, sau đó đem cho bà T; Cơ quan điều tra đã trả số tiền này cho anh Đ.

Các vật chứng còn bị tạm giữ, Viện kiểm sát N dân hện CT ra quyết định chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự hện quản lý, chờ xử lý theo quy định của pháp luật.

Kết luận định giá tài sản số 226 ngày 20/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản huyện CT, xác định: 01 điện thoại động có ghi chữ Iphone (loại Iphone 7) màu xám đen, bị nứt bề màn hình không khởi động được, trị giá: 5.000.000 đồng (năm triệu đồng).

Như vậy, tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án này là: 5.000.000 đồng + 3.020.000 đồng = 8.020.000 đồng (tám triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Tấn Đ yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), đại diện gia đình của 05 bị cáo đã liên đới bồi thường xong cho anh Đ số tiền này. Anh Đ cũng đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt còn lại khi bắt giữ các bị cáo là 1.589.000 đồng (một triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng).

Tại bản Cáo trạng số 36/CT-VKSCT ngày 20 tháng 3 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo về tội “Cướp tài sản” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CT giữ quyền công tố vẫn giữ y quan điểm về tội danh và khung hình phạt như Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 50; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Ngô TN từ 07 năm 06 tháng tù đến 08 năm tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 50; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Lê TP từ 07 năm tù đến 07 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 50; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 17; Điều 38 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê MP từ 04 năm 06 tháng tù đến 05 năm tù.

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b,s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị TL từ 03 năm 03 tháng tù đến 03 năm 09 tháng tù;

- Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; Điều 50; điểm b,s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 54; Điều 58 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H từ 04 năm tù đến 04 năm 06 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự, đề nghị ghi nhận bị hại đã nhận số tiền bồi thường thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt là 10.000.000 đồng và số tiền bị chiếm đoạt còn lại sau khi bắt giữ các bị cáo là 1.589.000 đồng.

Về xử lý vật chứng, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; để xử lý vật chứng theo quy định.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn H: Không có ý kiến về tội danh cũng như khung hình phạt; Cho rằng nhận thức của bị cáo còn hạn chế nên chưa nhận thức đầy đủ về hậu quả của hành vi mình gây ra, đồng thời phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo với mức án từ dưới 04 năm tù.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh L: Thống nhất với tội danh và khung hình phạt theo nội dung Cáo trạng đã truy tố bị cáo; Đồng thời, phân tích, viện dẫn các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và áp dụng nguyên tắc xử phạt người chưa thành niên phạm tội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng mức hình phạt thấp nhất cho bị cáo.

Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát N dân hện CT đã truy tố và không có ý kiến gì khác.

Lời nói sau cùng của các bị cáo N, P, L, H đều xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Riêng bị cáo P không có ý kiến gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an hện CT, Điều tra viên, Viện kiểm sát N dân huyện CT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của bị hại: Xét thấy không làm trở ngại cho việc xét xử, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị hại theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như qua phần xét hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào ngày 01/12/2019, tại ấp MT - xã ST - huyện CT - tỉnh Tiền Giang; Các bị cáo: Ngô Trọng N, Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Văn H, Lê MP và Nguyễn Lê TP đã có hành vi sử dụng 01 con dao lưỡi nhọn (là phương tiện nguy hiểm) đe dọa anh Trần Tấn Đ làm anh Đ không thể chống cự nhằm để chiếm đoạt tài sản của anh Đ là 01 điện thoại di động loại Iphone 7 và số tiền 3.020.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà các bị đoạt đã chiếm đoạt được định giá có tổng giá trị là 8.032.000 đồng (Tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn đồng).

Do đó, đã có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội “Cướp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

[3] Khi thực hiện tội phạm, các bị cáo đều đang ở độ tuổi thanh niên có đủ sức lao động tạo của cải vật chất để phục vụ nhu cầu cá nhân, giúp ích gia đình, xã hội; nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, nên các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là cướp tài sản để thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi thực hiện tội phạm của các bị cáo không chỉ xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của anh Trần Tấn Đ; mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Do vậy, cần phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc đủ để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân lương thiện và phòng ngừa chung.

Đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, tuy có bàn bạc nhưng không có phân công, câu kết chắc chắn. Bị cáo Ngô TN với vai trò là người rủ rê khởi xướng các bị cáo khác cùng thực hiện hành vi phạm tội. Đồng thời, bị cáo N và bị cáo Phương là người trực tiếp sử dụng dao lưỡi nhọn bằng kim loại để đe dọa, uy hiếp bị hại Trần Tấn Đ. Bị cáo Nguyễn Thị Thanh L, Nguyễn Văn H, Lê MP giữ vai trò đồng phạm giúp sức xuyên suốt quá trình thực hiện tội phạm; Nên căn cứ vào vai trò của từng bị cáo để quyết định mức hình phạt tương ứng.

Về hành vi của các bị cáo trong việc khống chế, chở bị hại Đ từ khách sạn Hoàng L đến khu vực ấp MT, xã ST, hện CT là thủ đoạn để nhằm mục đích là cướp tài sản của anh Đ (vì các bị cáo biết khách sạn Hoàng L có camera quan sát, dễ bị phát hiện). Do đó, không xem xét trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo về hành vi bắt, giữ người trái pháp luật.

[4] Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Riêng đối với bị cáo Ngô trọng N: Vào ngày 17/8/2018, bị Tòa án N dân huyện CT, tỉnh Tiền Giang xét xử về 02 tội danh, tuyên phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Trộm cắp tài sản”, theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, theo khoản 1 Điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999; tổng hợp hình phạt là 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ (Bản án số 70/2018/HSST ngày 17/8/2018). Tại thời điểm bị kết án thì N dưới 18 tuổi, phạm tội ít nghiêm trọng, nên căn cứ quy định tại điểm b khoản 1

Điều 107 Bộ luật Hình sự năm 2015 thì N đã được xóa án tích; Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần xem xét về nhân thân của bị cáo.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội; các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho bị hại, nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự; Ngoài ra, khi thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Nguyễn Thị TL chưa thành niên, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên được xem xét áp dụng mức hình phạt theo quy định tại Điều 91, Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Đối với bị cáo Nguyễn Văn H: Sau khi phạm tội đã đến cơ quan công an đầu thú; Gia đình thuộc dạng hộ nghèo; có ông cố Nguyễn Văn N là liệt sĩ, bà cố Phạm Thị T được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu “ Bà mẹ Việt nam Anh hùng”, cậu ruột Nguyễn Văn B là liệt sĩ nên bị cáo H được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo Ngô Trọng N: Gia đình có bà cố Nguyễn Thị C được Chủ tịch nước truy tặng danh hiệu “ Bà mẹ Việt nam Anh hùng” và bà ngoại Lê Thị B được tặng huân chương kháng chiến; nên bị cáo H được hưởng thêm các tình tiết giảm nhẹ khác theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:*

Các bị cáo đã tác động gia đình liên đới bồi thường thiệt hại về tài sản bị chiếm đoạt cho bị hại Trần Tấn Đ là 10.000.000 đồng, và anh Đ cũng nhận lại số tiền bị chiếm đoạt còn lại khi các bị cáo bị bắt giữ là 1.589.000 đồng, không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

- Đối với tài sản thu giữ của các bị cáo dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng, xét cần tịch thu tiêu huỷ gồm: 01 mũ bảo hiểm màu đỏ bị hư hỏng; 01

con dao bấm kim loại màu trắng dài 23cm, mũi nhọn phần lưỡi dao dài 10,5cm; 02 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc màu đen – trắng; 01 đôi dép màu xám có chữ màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt lưỡi trai màu đen; 02 nón kết màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ hình Doraemon; 01 điện thoại di động có ghi chữ Iphone màu xám đen, không khởi động được; 01 áo sơ mi màu đen dài tay; 01 quần lửng màu xanh đậm; 01 nón kết màu xám.

- Đối với các tài sản thu giữ của các bị cáo dùng vào việc phạm tội, xét cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước gồm: 01 xe mo to loại Luvias màu trắng không biển số, số khung RLCL44S10DY076401, số máy: 44S1 – 076412 (01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 63B4 – 248.9201 và biển số xe mô tô số 63B4 – 248.92); 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng số IMEI: 356986066401654.

- Đối với đoạn video trích xuất từ camera của khách sạn Hoàng L có thời lượng 02 phút, từ 17 giờ 36 phút 37 giây đến 17 giờ 38 phút 37 giây ngày 01/12/2019 (Thời gian trong camera bị lệch so với thực tế là 17 giờ 06 phút 37 giây đến 17 giờ 08 phút 37 giây ngày 01/12/2019); Cần lưu giữ theo hồ sơ vụ án.

[6] Về án phí: Các bị cáo Ngô Trọng N, Nguyễn Thị Thanh L, Lê Minh Phú, Nguyễn Lê TP phải chịu án phí hình sự sơ thẩm; đối với bị cáo Nguyễn Văn H thuộc thành viên hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã VK, huyện CT, tỉnh Tiền Giang nên được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm; theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Lời bào chữa của người bào chữa đối với hai bị cáo Nguyễn Thị TL và Nguyễn Văn H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

I/ Tuyên bố các bị cáo: Ngô Trọng N, Nguyễn Lê TP, Lê Minh Phú, Nguyễn Văn H, Nguyễn Thị TL phạm tội “Cướp tài sản”

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Ngô TN 08** (tám) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 12 năm 2019.

2. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Lê TP 07** (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 12 năm 2019.

3. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Lê MP 04** (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 12 năm 2019.

4. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn H 04** (bốn) năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 12 năm 2019.

5. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 91; Điều 101 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thị TL 03** (ba) năm 09 (chín) tháng tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 02 tháng 12 năm 2019.

II/ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 mũ bảo hiểm màu đỏ bị hư hỏng; 01 con dao bấm kim loại màu trắng dài 23cm, mũi nhọn phần lưỡi dao dài 10,5cm; 02 mũ bảo hiểm màu đen; 01 áo sơ mi dài tay sọc màu đen – trắng; 01 đôi dép màu xám có chữ

màu đỏ; 01 mũ bảo hiểm màu xanh nhạt lưỡi trai màu đen; 02 nón kết màu đen; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ có hình Doraemon; 01 điện thoại di động có ghi chữ Iphone màu xám đen, không khởi động được; 01 áo sơ mi màu đen dài tay; 01 quần lửng màu xanh đậm; 01 nón kết màu xám.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô loại Luvias màu trắng không biển số, số khung: RLCL44S10DY076401, số máy: 44S1 – 076412 (01 giấy chứng nhận đăng ký xe biển số 63B4 – 248.92 và 01 biển số xe mô tô số 63B4 – 248.92); 01 điện thoại di động Iphone 6 màu trắng số IMEI: 356986066401654.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CT, tỉnh Tiền Giang).

- Lưu giữ theo hồ sơ vụ án 01 đĩa ghi hình trích xuất từ camera của khách sạn Hoàng L.

III/ Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường giữa bị hại và các bị cáo đã thực hiện xong và bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm.

IV/ Về án phí:

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 12, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

- Các bị cáo: Ngô Trọng N, Nguyễn Thị Thanh L, Lê Minh Phú, Nguyễn Lê TP; Mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng).

- Bị cáo Nguyễn Văn H được miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm.

V/ Quyền kháng cáo: Các bị cáo; người bào chữa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Án tuyên vào lúc 16 giờ 15 phút, ngày 25 tháng 5 năm 2020.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp T. Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Công an huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Bộ phận thi hành án hình sự;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

Đỗ Thị Minh Nguyệt